

# REVIEW 3

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

**Mục tiêu:** Ôn luyện các âm, từ vựng, cấu trúc đã học trong phạm vi từ Unit 11 đến Unit 15.

**Âm vị:** /ʌ/ của con chữ u

/l/ của con chữ l

/n/ của con chữ n

/t/ của con chữ t

/f/ của con chữ f

**Từ vựng:** *sun, bus, truck, running*

*Lucy, leaf, lemons, lake*

*Nick, Nam, noodles, nuts*

*Tony, tiger, turtle, teddy bear*

*father, foot, face, football*

**Cấu trúc:** Nói hành động đang xảy ra: *Ann is running.*

Nói nhìn ai/cái gì: *Look at Lucy./Look at the lemons.*

Nói hành động đang xảy ra: *Nam's having nuts.*

Nói có thể nhìn thấy gì: *I can see a tiger.*

Nói yêu cầu/đề nghị: *Touch your face.*

## II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

### 1. Listen and read.

**Mục tiêu:** Nghe, đọc và hiểu nội dung câu chuyện ngắn.

**Nội dung:** Bốn tranh nhỏ với nội dung chính:

- Tranh 1: Phil và Sue gặp Nam và Lucy trên một con đường ở ven đô. Hai bạn đang đứng đợi xe buýt tới trường. Nam đeo cặp sách, Lucy đeo gấu bông trên vai. Các bạn chào nhau.

- Tranh 2: Xe buýt tới, Nam và Lucy chào tạm biệt Phil và Sue để lên xe.
- Tranh 3: Bỗng nhiên Phil nhìn thấy gấu bông bên chân cột điện và hỏi Sue là cái gì. Sue trả lời đó là gấu bông của Lucy.
- Tranh 4: Phil tay cầm gấu bông, chạy theo xe buýt và gọi Lucy để trả lại.

**Quy trình:**

Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung tranh (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh nghe và chỉ vào lời nói của các nhân vật trong tranh.

Bước 3: Học sinh nghe, chỉ vào các lời nói của các nhân vật và nhắc lại.

Bước 4: Học sinh nhìn tranh và đọc thành tiếng câu chuyện.

Bước 5: Làm việc theo cặp/nhóm, một học sinh chỉ từng tranh, học sinh còn lại đọc thành tiếng lời nói của nhân vật/hoặc kể lại lời thoại. Nếu có thời gian, giáo viên hướng dẫn học sinh đóng vai Phil, Sue, Nam và Lucy kể lại nội dung câu chuyện.

**Kết quả:** Học sinh hiểu nội dung câu chuyện.

## **2. Look again and circle.**

**Mục tiêu:** Nhận dạng và khoanh tròn từ đã học qua bài nghe và đọc được trong câu chuyện.

**Nội dung:** Mười từ chỉ đồ vật, con vật, món ăn, ... đã học từ Unit 11 đến Unit 15.

**Quy trình:**

Bước 1: Học sinh xem và nhận diện các từ (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh nói thành tiếng các từ.

Bước 3: Học sinh đọc lại lời nói của các nhân vật trong bốn tranh ở trên.

Bước 4: Học sinh khoanh tròn các từ xuất hiện trong lời nói của các nhân vật.

Bước 5: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả bài làm theo cặp/nhóm.

**Kết quả:** Học sinh tìm và khoanh tròn nhanh và chính xác các từ xuất hiện trong câu chuyện đã đọc ở trên.

# SELF-CHECK 3

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

**Mục tiêu:** Tự kiểm tra các âm vị, từ vựng, cấu trúc đã học từ Unit 11 đến Unit 15.

## II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

### 1. Listen and circle.

**Mục tiêu:** Nghe và khoanh tròn vào chữ cái biểu thị âm nghe được.

**Nội dung:** Bài tập gồm bốn câu. Mỗi câu gồm hai con chữ.

Câu 1: u o                      Câu 2: l n

Câu 3: f b                      Câu 4: d t

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung bài tập (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng cặp con chữ và nói thành tiếng các âm biểu thị bởi các con chữ đã học trong các bài trước.

Bước 3: Học sinh nghe đĩa và khoanh tròn vào chữ cái biểu thị âm nghe được.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả theo cặp/nhóm.

Bước 5: Học sinh nói lại các âm vừa đánh dấu.

Lưu ý: Nếu học sinh làm sai hoặc gặp khó khăn trong khi làm bài, giáo viên có thể cho học sinh nghe lại nhiều lần.

**Audioscript:** 1. u    2. n    3. f    4. t

**Kết quả:** 1. u    2. n    3. f    4. t

### 2. Listen and tick.

**Mục tiêu:** Nghe và đánh dấu vào ô chỉ tranh nghe được.

**Nội dung:** Bài tập gồm ba câu. Mỗi câu gồm hai tranh.

Câu 1. a: xe buýt; b: xe tải.

Câu 2. a: con hổ; b: con gấu bông.

Câu 3. a: cái mặt; b: cái chân.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung minh hoạ trong tranh (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng cặp tranh và nói thành tiếng tên mỗi đồ vật/con vật/bộ phận cơ thể trong tranh.

Bước 3: Học sinh nghe đĩa và đánh dấu vào ô chỉ tranh nghe được.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả theo cặp/nhóm.

Bước 5: Học sinh nói lại từ chỉ đồ vật/con vật/bộ phận cơ thể của các tranh vừa đánh dấu.

Lưu ý: Nếu học sinh làm sai hoặc gặp khó khăn trong khi làm bài, giáo viên có thể cho học sinh nghe lại nhiều lần.

**Audioscript:** 1. bus    2. teddy bear                      3. foot

**Kết quả:** 1. a                      2. b                      3. b

### 3. Listen and tick or cross.

**Mục tiêu:** Nghe và đánh dấu ✓ hoặc ✗ vào ô ở dưới mỗi tranh.

**Nội dung:** Bài tập gồm bốn câu.

Câu 1: bạn nữ đang ăn mì                      Câu 2: con rùa

Câu 3: người bố                      Câu 4: bạn Sam đang ngồi đọc sách

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung minh hoạ trong tranh (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng tranh và nói thành tiếng từ chỉ mỗi người/vật hoặc hành động đang xảy ra trong tranh.

Bước 3: Học sinh nghe đĩa và đánh dấu ✓ vào ô nếu câu nghe được phù hợp với nội dung tranh, dấu ✗ nếu câu nghe được không phù hợp với nội dung tranh.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả theo cặp/nhóm.

Bước 5: Nếu học sinh làm sai hoặc gặp khó khăn trong khi làm bài, giáo viên có thể cho học sinh nghe lại nhiều lần.

**Audioscript:** 1. Do you like noodles?                      2. Oh! It's a tiger!  
3. Hello, father!    4. Sam is running.

**Kết quả:** 1. ✓    2. ✗    3. ✓    4. ✗

#### 4. Write and say.

**Mục tiêu:** - Điền đúng con chữ vào các từ khuyết thiếu.

- Nói từ chỉ đồ vật/đồ ăn/con vật được minh hoạ trong tranh.

**Nội dung:** Bài tập gồm bốn tranh: 1. bóng đá; 2. bát mì; 3. xe tải; 4. con hổ. Dưới mỗi tranh là từ (chưa hoàn chỉnh) minh hoạ đồ vật/đồ ăn/con vật tương ứng.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem, nhận xét nội dung các tranh (như trong phần Nội dung) và xác định nhiệm vụ cần thực hiện.

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng tranh và nói tên vật/con vật/đồ ăn trong tranh.

Bước 3: Học sinh xác định con chữ còn khuyết thiếu và điền hoàn chỉnh từ dưới mỗi tranh.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi và kiểm tra kết quả bài làm theo cặp/nhóm.

Bước 5: Làm việc theo cặp/nhóm, một học sinh chỉ tay vào tranh, học sinh còn lại nói từ chỉ tranh.

**Kết quả:** Học sinh điền đúng con chữ còn thiếu và nói chính xác từ dưới mỗi tranh.

#### 5. Read and tick.

**Mục tiêu:** Đọc và đánh dấu vào ô chỉ tranh minh hoạ cho câu đã đọc.

**Nội dung:** Bài tập gồm ba câu. Mỗi câu bao gồm một cấu trúc đã học và hai tranh để học sinh lựa chọn và đánh dấu.

Câu 1: Cấu trúc giới thiệu đồ vật; tranh a: xe buýt và tranh b: xe tải.

Câu 2: Cấu trúc chào và giới thiệu tên; tranh a: Lucy chào và vẫy tay và tranh b: Nam chào và vẫy tay.

Câu 3: Cấu trúc giới thiệu bộ phận cơ thể; tranh a: cái mặt và tranh b: bàn chân.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh quan sát, nội dung các tranh (như trong phần Nội dung) và nhiệm vụ cần thực hiện.

Bước 2: Học sinh đọc hiểu nội dung các câu.

Bước 3: Học sinh quan sát tranh và lựa chọn tranh thích hợp để đánh dấu.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả bài làm theo cặp/nhóm.

Bước 5: Theo cặp/nhóm, một học sinh đọc câu, học sinh còn lại chỉ vào tranh tương ứng.

**Kết quả:** Học sinh đánh dấu đúng vào tranh minh họa cho nội dung câu đã đọc.

## **6. Colour the things you like. Then write and say.**

**Mục tiêu:** Tô màu đồ ăn/con vật yêu thích, điền đúng và chính xác thông tin còn thiếu vào các câu chưa hoàn chỉnh và nói câu sau khi đã điền đầy đủ.

**Nội dung:** - Bốn tranh (chưa có màu) để học sinh lựa chọn và tô màu.  
- Các câu chưa hoàn chỉnh để học sinh viết đầy đủ.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh nhận xét nội dung tranh, các câu còn khuyết thiếu và xác định nhiệm vụ cần thực hiện.

Bước 2: Học sinh lựa chọn đồ ăn/con vật mình yêu thích và tô màu.

Bước 3: Học sinh xác định thông tin cần điền vào câu khuyết thiếu (tên của bản thân, đồ ăn/con vật yêu thích) và điền vào chỗ trống.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả tô màu, điền thông tin còn thiếu theo cặp/nhóm.

Bước 5: Học sinh chỉ vào tranh tô màu và nói các câu đã được điền đầy đủ.

**Kết quả:** Học sinh tô màu tranh, điền từ còn thiếu và nói chính xác các câu sau khi đã điền đầy đủ.

## **7. Find the words.**

**Mục tiêu:** Tìm từ đã học trong hình theo hàng dọc và hàng ngang.

- Nội dung:** Bài tập gồm một hình có các con chữ sắp xếp theo hàng dọc và hàng ngang, xung quanh là 8 từ đã học trong các Unit 11 đến Unit 15.
- Quy trình:**
- Bước 1: Học sinh quan sát, nhận diện các từ xung quanh ô chữ (như trong phần Nội dung) và nói nhiệm vụ cần thực hiện.
- Bước 2: Học sinh đọc hiểu nội dung các từ xung quanh hình ô chữ.
- Bước 3: Học sinh quan sát các từ gợi ý, tìm theo hàng dọc và hàng ngang các từ giống như vậy và khoanh tròn.
- Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả bài làm theo cặp/nhóm.
- Bước 5: Theo cặp/nhóm, một học sinh đọc từ, học sinh còn lại chỉ vào phần khoanh tròn từ đó trong ô chữ.
- Kết quả:** Học sinh tìm đúng và khoanh tròn chín từ trong ô chữ.

## 8. Write the words.

- Mục tiêu:** Viết từ chỉ vật minh họa trong tranh vào chỗ trống.
- Nội dung:**
- Bốn tranh đồ vật, bên cạnh là khoảng trống để học sinh điền từ.
  - Tranh mặt trời và từ *sun* viết bên cạnh là ví dụ để học sinh làm quen.
  - Các tranh còn lại là xe tải, xe buýt và cái lá cây.
- Quy trình:**
- Bước 1: Học sinh nhận xét nội dung tranh, các từ còn khuyết thiếu (như trong phần Nội dung) và xác định nhiệm vụ cần thực hiện.
- Bước 2: Giáo viên yêu cầu một số học sinh nói các từ chỉ các vật/con vật trong tranh. Cả lớp nghe và nhắc lại.
- Bước 3: Học sinh điền từ chỉ vật trong tranh vào ô trống bên cạnh mỗi tranh.
- Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả điền từ còn thiếu theo cặp/nhóm.
- Bước 5: Học sinh chỉ vào tranh và nói các từ đã được điền đầy đủ.
- Kết quả:** Học sinh điền đúng từ còn thiếu vào ô trống.